

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2021

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 441/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Mỹ D, sinh năm 1972; Nơi cư trú: số 112B, đường N, khóm 1, phường 8, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trương Minh H, sinh năm 1971; Nơi cư trú: số 112B, đường N, khóm 1, phường 8, thành phố C, tỉnh C (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Mỹ D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trương Minh H kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C, tỉnh C, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi. Năm 2021, bà có nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông H tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau nhưng sau đó bà rút lại yêu cầu trên để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Trương Khánh V1, sinh năm: 1998 và Trương Nhật V2, sinh năm 2001. Do các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Trương Minh H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng ông Trương Minh H vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Trương Minh H đã được triệu tập họp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Trương Minh H là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Mỹ D và ông Trương Minh H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nay bà D xác định bà không còn tình cảm với ông H nên bà không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông H cũng như không thể thực hiện các nghĩa vụ của một người vợ đối với chồng. Bà D có nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông H tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau nhưng sau đó bà rút lại yêu cầu trên để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Mặt khác, để tạo điều kiện cho bà D và ông H hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt, điều này cho thấy ông H cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của bà D và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, cho bà D được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Trương Khánh V1, sinh năm: 1998 và Trương Nhật V2, sinh năm 2001. Do các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Mỹ D về việc ly hôn với ông Trương Minh H. Bà Trần Mỹ D được ly hôn với ông Trương Minh H

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Khánh V1, sinh năm: 1998 và Trương Nhật V2, sinh năm 2001. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001008 ngày 04/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường 8, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trương Thanh Quốc

